

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST

Ngày 13 - 11 - 2018.

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Miên

2. Bà Quách Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Giàu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1954; cư trú tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn H: Ông Đặng Minh H, sinh năm 1967; cư trú tại Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Phan Văn H1, sinh năm 1947.

2. Bà Tạ Thị U, sinh năm 1947.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Văn H1 và bà Tạ Thị U: Chị Phan Thị T, sinh năm 1985; cùng cư trú tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phan Văn H1 và bà Tạ Thị U: Ông Dương Long H là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV M - Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Hoàng L, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1962 (có mặt).

3. Bà Huỳnh Chúc C, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại Khóm C, Phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chị Phan Thị T, sinh năm 1985 (có mặt).

5. Anh Phan Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

6. Anh Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày: Trước đây vào năm 1960 cha của ông là ông Lê Văn N (chết năm 2004) có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn V, trú tại: Khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu phần đất có diện tích ngang 40m x dài 40m = 1600m². Đến khoảng năm 1976, cha ông có cho ông Tạ Văn T mượn một mảnh đất có diện tích ngang 05m x dài 16m = 80m² tọa lạc tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu để cất nhà ở. Sau đó, vợ chồng con gái ông T là bà Tạ Thị U và ông Phan Văn H1 về ở chung cho đến nay. Ông H1 có hứa khi nào gia đình ông cần sử dụng thì sẽ tháo dỡ nhà trả lại đất. Năm 2004, cha ông cho ông một phần đất có diện tích 388,8m² là đất vườn, bao gồm phần đất 80m² cho ông T mượn. Lúc này trên đất đã có hiện trạng căn nhà của ông Phan Văn H1 và bà Tạ Thị U như hiện nay, phần đất mà ông H1 cất nhà là trước đây cha ông cho ông T mượn.

Ngày 13/5/2008, ông được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A đối với thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 388,8m², địa chỉ thửa đất tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/5/2008 thì ông H không có ký tên gì trong hồ sơ cấp đất, nhưng việc đo đạc đất thì gia đình ông H1 có chứng kiến. Khi cha ông cho đất vườn thì chiều dài tính từ mí lộ đường C, nhưng khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 thì Nhà nước chưa lộ giới quy hoạch từ tim đường là 20 mét, nhưng việc chưa lộ giới này thì chưa có bồi thường đất cho ông. Đến ngày 15/6/2016 thì Nhà nước có ra thông báo thu hồi đất số 117 xác định diện tích đất thu hồi của ông là 104m², thuộc thửa đất số X và X-1 tờ bản đồ số Y tọa lạc tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 thì ông đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc V 02 lần với hiện trạng và diện tích như hiện nay ông V đang sử dụng, qua kết quả đo đạc thực tế diện tích là 353,8m² (phần đất ngoài lộ giới), phần đất trong lộ giới thuộc quyền sử dụng của ông V là 134,8m². Ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thực tế ông chỉ chuyển nhượng cho ông V hai lần, phần đất hình chữ “L”, đến mí nhà của bà Trương Thị Bích N và ông Phan Văn H1, phần đất từ mí nhà ông H và bà N về phía lộ C ông không có chuyển nhượng cho ông V. Ông không rõ vì sao ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùm lên một phần đất của ông hiện bà N và ông H đang quản lý, sử dụng. Vào cuối năm 2016 ông V có xây dựng tường rào bao quanh các phần đất ông đã chuyển nhượng cho ông V, xây dựng đến vị trí sau nhà bà N và ông H. Vấn đề này vợ chồng ông V cũng thống nhất với ông, vợ chồng ông V chỉ nhận chuyển nhượng đất của ông như hiện trạng vợ chồng ông V đang sử dụng hiện nay, đúng như bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp lập ngày 28/4/2017.

Phần đất còn lại theo giấy chứng nhận ông được cấp ngày 13/5/2008 thì diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng cho ông V là: Diện tích trong quy hoạch lộ giới là 31,2m², ngoài quy hoạch lộ giới là 22,1m². Nhưng thực tế phần đất còn lại chưa chuyển nhượng đó là phần đất đang tranh chấp với bà Trương Thị Bích N và ông Phan Văn H1, một phần đất phía sau nhà ông H, qua đo đạc thực tế có diện tích là: Phần bà Trương Thị Bích N đang chiếm của ông là phần trong lộ giới diện tích 63,8m², ngoài lộ giới 11,1m²; phần ông Phan Văn H đang chiếm là phần trong lộ giới diện tích 69,4m², ngoài lộ giới 12,3m². Phần đất hiện ông đang quản lý nằm phía sau nhà ông H, diện tích 17,8m².

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1, bà U tháo dỡ nhà, trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 81,7m² (phần trong lộ giới diện tích 69,4m², ngoài lộ giới 12,3m²), thuộc thửa số X, tờ bản đồ số Y tọa lạc tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn ông Phan Văn H1 và bà Tạ Thị U là chị Phan Thị T, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp nói trên trước đây do ông Nguyễn Văn L (hiện nay đã chết) tự khai phá trước năm 1960, đất tại ấp N, xã H, thị xã B (nay là khóm Đ, phường N, thành phố B), tỉnh Bạc Liêu. Đến năm 1960, ông L cho lại cha của bà Tạ Thị U là ông Tạ Văn T (ông ngoại bà) để cất nhà ở, việc cho đất này có ông Nguyễn Văn V là con trai ông Nguyễn Văn L biết việc này (ông Nguyễn Văn V trú tại khóm N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu). Sau khi ông T chết năm 1995 thì cho lại mẹ bà là bà Tạ Thị U sử dụng cho đến nay. Hàng năm gia đình bà có đóng thuế sử dụng đất nhưng chưa đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà không hay biết. Khi ông H chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Quốc V thì gia đình bà biết vì ông V và ông H đều xác định chuyển nhượng phần đất phía sau căn nhà của bà hiện nay, nên bà không có ý kiến gì. Nay đối với yêu cầu của ông H buộc ông H1, bà U tháo dỡ nhà, trả lại phần đất thì bà không đồng ý vì đây là đất của ông ngoại chết để lại cho mẹ bà, gia đình bà đã sử dụng ổn định phần đất này từ đó đến nay.

Đồng thời, bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A đối với thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 388,8m², địa chỉ thửa đất tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu do Ủy ban nhân dân thị xã B

(nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Văn H vào ngày 13/5/2008 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP đối với thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 142,3m², địa chỉ thửa đất tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Quốc V và bà Huỳnh Chúc C vào ngày 04/6/2009.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Minh H trình bày: Thông nhất ý kiến của ông H như trên và không bổ sung gì thêm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố B, anh Phan Văn T, anh Huỳnh Minh Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn trình bày: Ông Lê Văn H yêu cầu ông Phan Văn H1 và bà Tạ Thị U tháo dỡ nhà, trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 81,7m² (phần trong lộ giới diện tích 69,4m², ngoài lộ giới 12,3m²), thuộc thửa số X, tờ bản đồ số Y tọa lạc tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là không có căn cứ. Vì phần đất này gia đình bà U đã ở trên 60 năm không tranh chấp và quá trình gia đình ông H1, bà U xây dựng, sửa chữa nhà không ai ngăn cản, hàng năm gia đình bà U đều có đóng thuế; ông H cho rằng cha ông cho ông T (cha bà U) mượn đất, nhưng ngoài lời trình bày thì ông H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Theo quy định tại Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005 về xác định quyền sở hữu theo thời hiệu: “Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu...” và thực tế gia đình ông H1, bà U đã ở trên 60 năm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng bị đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn H và ông Nguyễn Quốc V.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính và Điều 236 Bộ luật Dân sự 2015, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Lê Văn H, ông Nguyễn Quốc V, bà Huỳnh Chúc C đối với phần diện tích đất tranh chấp 81,7m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện Kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H yêu cầu ông Phan Văn H1 và bà Tạ Thị U trả lại

diện tích đất 81,7m² (phần trong lộ giới diện tích 69,4m², ngoài lộ giới 12,3m²), thuộc thửa số X, tờ bản đồ số Y tọa lạc tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn H và ông Nguyễn Quốc V đối với phần đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự, luật sư, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Văn H và ông Nguyễn Quốc V, nên theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 34 Luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Chúc C, anh Phan Văn T và anh Huỳnh Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2017 và Bản vẽ mặt bằng khu đất tranh chấp ngày 18/12/2017, phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 81,7m² (phần trong lộ giới diện tích 69,4m², ngoài lộ giới 12,3m²), thuộc thửa số X, tờ bản đồ số Y tọa lạc tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu do ông Lê Văn H đứng tên quyền sử dụng đất, nay là thửa X1, tờ bản đồ Y do ông Nguyễn Quốc V và bà Huỳnh Chúc C đứng tên quyền sử dụng đất (ông V, bà C nhận chuyển nhượng từ ông H); đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Quốc V có số đo 2,69m, giáp đất ông Lê Văn H có số đo 1,36m;
- + Hướng Tây giáp đường Cao Văn L có số đo 4,44 m;
- + Hướng Nam giáp phần đất của bà Phan Thị T đang quản lý sử dụng có số đo 16,25m + 2,98m;
- + Hướng Bắc giáp phần đất của bà Trương Thị Bích N đang sử dụng có số đo 16,24m + 3,08m;

[4] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Ông Lê Văn H xác định phần đất tranh chấp là của cha ông là ông Lê Văn N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn V từ năm 1960, đến năm 1976 cho ông Tạ Văn T mượn để cất nhà ở, việc cho mượn đất chỉ thỏa thuận bằng lời nói, sau đó vợ chồng bà Tạ Thị U (con ông T) ở đến nay. Đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là bà Phan Thị T xác định phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L (cha ruột của ông Nguyễn Văn V) cho gia đình bà từ năm 1960 để gia đình ông T cất nhà ở đến nay.

[5] Tại biên bản xác minh ngày 23/11/2017 (bút lục 369) ông Nguyễn Văn V xác định, phần đất tranh chấp là do cha ông là ông Nguyễn Văn L cho ông Tạ

Văn T (cha bà U) để cất nhà ở từ năm 1960 và hiện ông H1, bà U đang sử dụng; Phần đất cha ông (ông L) cho ông N thì sau này ông H đã chuyển nhượng cho ông V. Lời trình bày của ông Nguyễn Văn V phù hợp với sự xác định của những người hiểu biết về nguồn gốc đất tranh chấp, gồm: ông Lê Văn L, ông Trần Văn T (bút lục 372, 373). Bên cạnh đó, ông H cho rằng nguồn gốc đất của cha ông cho ông T mượn để cất nhà ở nhưng ông H không có chứng cứ gì để chứng minh và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Phan Thị T cũng không thừa nhận. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của ông H về nguồn gốc đất và có cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L cho ông Tạ Văn T vào năm 1960.

[6] Đồng thời, sau khi được ông T cho đất thì ông H1, bà U đã quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1960 đến thời điểm phát sinh tranh chấp đã hơn 30 năm. Căn cứ theo quy định tại Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 về xác định quyền sở hữu theo thời hiệu: “Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu...” thì ông H1, bà U có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất này theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đòi ông H1, bà U tháo dỡ nhà, trả lại phần diện tích đất 81,7m², thuộc thửa X, tờ bản đồ số Y, đất tọa lạc tại Khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn H, thửa số X, tờ bản đồ số Y (nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông Lê Văn N) theo giấy chứng nhận số A ngày 13/5/2008. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn H thì phần đất tranh chấp hiện do gia đình bà Tạ Thị U đang quản lý, sử dụng nhưng cũng không có ý kiến của gia đình bà U. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn H đối với phần đất tranh chấp là không đúng quy định pháp luật, nên có căn cứ hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Lê Văn N, ông Lê Văn H đối với diện tích đất tranh chấp.

[9] Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc V và bà Huỳnh Chúc C đối với thửa đất X1, tờ bản đồ số Y thì việc cấp giấy chứng nhận là đúng quy định, do ông V và bà C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H có lập hợp đồng, có công chứng đúng quy định. Nhưng vợ chồng ông V, bà C xác định không có nhận chuyển nhượng phần đất hiện đang tranh chấp từ ông H. Không rõ vì sao được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùm lên một phần đất ông H, bà U đang quản lý. Nếu việc giải quyết vụ án có liên quan đến phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông V thì vợ chồng ông V cũng đồng ý điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với thực tế nên có căn cứ hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V, bà C đối với phần đất có liên quan.

[10] Như đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Lê Văn H, ông Lê Quốc V, bà Huỳnh Chúc C đối với diện tích đất tranh chấp.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng. Ông Phan Văn H1 và bà Tạ Thị U không phải chịu. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông Lê Văn H phải chịu 860.000 đồng và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 156, 157, 164, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 25 và khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 25 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đòi ông Phan Văn H1, bà Tạ Thị U tháo dỡ nhà, trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 81,7m² (phần trong lộ giới diện tích 69,4m², ngoài lộ giới 12,3m²), thuộc thửa số X, tờ bản đồ số Y tọa lạc tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn H1 và bà Tạ Thị U yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp do ông Lê Văn H, ông Nguyễn Quốc V và bà Huỳnh Chúc C đứng tên.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A đối với thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 388,8m², địa chỉ thửa đất tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Văn H vào ngày 13/5/2008.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP đối với thửa đất số X1, tờ bản đồ số Y, diện tích 142,3m², địa chỉ thửa đất tại khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Quốc V và bà Huỳnh Chúc C vào ngày 04/6/2009.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông Lê Văn H phải chịu 860.000 đồng. Ông H đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng. Ông H đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0002144 ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B (do anh Đặng Minh H nộp thay) được chuyển thu án phí. Ông H phải nộp tiếp 100.000 đồng.

- Ông Phan Văn H1 và bà Tạ Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H1 và bà U đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007627 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B (do chị Phan Thị T nộp thay) được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh BL;
- Cục THADS tỉnh BL;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS, VT.

(đã ký)

Cao Thị Túy Giang